

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 40/2023/DS-PT

Ngày: 19/4/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm

Các Thẩm phán: Ông Phan Minh Dũng

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 243/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thu Th, sinh năm 1964; Cư trú tại: 221 Đồng Đa, thị trấn PP, huyện TS, BD. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Lê Thị Bích Ng, sinh năm 1965 (có mặt)

2. Ông Lê Văn L, sinh năm: 1962 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn 1, xã BN, huyện TS, BD

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Bích Ng là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Phan Thị Thu Th trình bày:

Ngày 02/02/2014 bà có cho vợ chồng bà Lê Thị Bích Ng - ông Lê Văn L vay số tiền 435.000.000đ, có viết giấy nhận nợ cho bà, lãi xuất thỏa thuận là 1,5%/tháng, không xác định thời hạn trả nợ, chỉ nói miệng là khi cần bà sẽ báo trước và đòi nợ. Sau đó bà đã đòi nợ và vợ chồng bà Ng, ông L đã trả được cho bà tổng cộng là: 151.000.000đ (Một trăm năm mươi một triệu đồng); cụ thể: tháng 11/2015 trả: 50.000.000đ; tháng 11/2016 trả: 45.000.000đ; tháng 12/2017 trả: 10.000.000đ; tháng 12/2018 trả: 30.000.000đ; năm 2020 trả: 16.000.000đ. Bà chấp nhận trong đó trả tiền gốc được 35.000.000đ; tiền lãi trả 116.000.000đ (tính là tiền lãi từ khi vay cho đến khi xét xử). Hiện vợ chồng bà N, ông L còn nợ bà tiền gốc: 400.000.000đ. Nay bà yêu cầu buộc vợ chồng bà Lê Thị Bích Ng, ông Lê Văn L phải trả cho bà số tiền gốc 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), không yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là bà Lê Thị Bích Ng trình bày:

Trước năm 2013, vợ chồng bà có vay của bà Th 90.000.000đ (vay làm 02 lần, không còn giữ giấy vay tiền, không cung cấp chứng cứ được cho Tòa), lãi suất bà Th tính 6%/tháng. Do làm ăn thua lỗ, vợ chồng bà chưa trả được nợ cho bà Th, bà Th tính tiền lãi nhập gốc, khoản nợ cứ vậy tăng cao. Đến ngày 02/02/2014 bà Th gọi vợ chồng bà đến chốt nợ. Bà chấp nhận viết Giấy nhận nợ ngày 02/02/2014, vợ chồng bà cùng ký tên, xác nhận là có vay bà Th số tiền 435.000.000đ. Sau đó, vợ chồng bà đã trả được cho bà Th tiền gốc tổng cộng: 151.000.000đ; cụ thể:

- Ngày 15/11/2015 Al trả: 50.000.000đ (có giấy bà Th viết);
- Ngày 22/11/2016 Al trả: 45.000.000đ (có giấy bà Th viết);
- Tháng 12/2017 trả: 10.000.000đ;
- Ngày 10/4/2018 Al trả: 30.000.000đ (có giấy bà Th viết);
- Trả tiền mặt (không nhớ cụ thể ngày tháng năm 2020): 6.000.000đ;
- Tiền trứng + thịt vịt bà Th lấy của bà để trừ nợ: 10.000.000đ;

Hiện chỉ còn nợ bà Th 284.000.000đ. Nay vợ chồng bà cũng chấp nhận trả cho bà Th tiền gốc 284.000.000đ, xin trả dần hàng tháng (từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng) và xin không phải trả tiền lãi.

Bị đơn, ông Lê Văn L cũng thống nhất như lời khai và yêu cầu của bà Lê Thị Bích Ng nhưng xin vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa.

Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu Th:

Buộc vợ chồng bà Lê Thị Bích Ng, ông Lê Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Thu Th số tiền: 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng) về khoản nợ vay theo Giấy nhận nợ ngày 02/02/2014 chưa thanh toán.

Bác yêu cầu vợ chồng bà Ng, ông L chỉ đồng ý trả số nợ gốc 284.000.000đồng, xin không trả tiền lãi và được trả dần hàng tháng với mức 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng vì không có chứng cứ để chứng minh, bà Thanh không đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, bị đơn bà Lê Thị Bích Ng có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận số tiền 151.000.000đồng mà bà Ng, ông L đã trả cho bà Th là tiền gốc, ông bà chỉ còn nợ bà Th số tiền gốc là 284.000.000đồng.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Bích Ng, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Ngày 02/02/2014 giữa nguyên đơn bà Phan Thị Thu Th và bị đơn vợ chồng ông Lê Văn L, bà Lê Thị Bích Ng có giao kết hợp đồng vay tài sản, số tiền vay hai bên khai thống nhất là có viết “ Giấy nhận nợ” cụ thể là 435.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng, không xác định thời hạn trả nợ. Trong quá trình vay, vợ chồng bà Ng ông L trả được cho bà Th 151.000.000đồng. Sau đó, bà Th đã nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông L bà Ng không tiếp tục trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải số tiền vay còn nợ là có căn cứ.

Tuy nhiên, bà Th khai rằng: Trong số tiền 151.000.000đồng mà vợ chồng ông L, bà Ng đã trả bao gồm: Tiền gốc là 35.000.000đồng, tiền lãi là 116.000.000đồng. Nhưng bà Ng kháng cáo cho rằng đã trả cho bà Th số tiền gốc là

151.000.000đồng, chỉ còn nợ số tiền gốc là 284.000.000đồng, vì thời hiệu tính lãi đã hết. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông L và bà Ng đều không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà Nguru.

[1.2] Bà Ng kháng cáo cho rằng trong giấy nhận nợ ngày 02/02/2014 giữa vợ chồng ông bà với bà Th không thể hiện rõ về việc phải trả lãi là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Giấy nhận nợ ngày 02/02/2014 là hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi suất nên vợ chồng ông L, bà Ng phải có nghĩa vụ trả lãi cho đến thời điểm trả nợ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Th tự nguyện chấp nhận số tiền lãi bị đơn đã trả là 116.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm, chỉ yêu cầu trả số tiền gốc còn nợ là có lợi cho bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà Ng là không có cơ sở.

[1.3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Bích Ng.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bà Ng không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà Lê Thị Bích Ng phải chịu án phí 300.000đồng.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Bích Ng, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Bích Ngu. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

2. Buộc vợ chồng bà Lê Thị Bích Ng, ông Lê Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Thu Th số tiền vay 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng bà Lê Thị Bích Ng, ông Lê Văn L đồng ý trả số nợ gốc 284.000.000đồng.

4. Về án phí dân sự:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Lê Thị Bích Ng, ông Lê Văn L phải chịu 20.0000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

Bà Phan Thị Thu Th không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Thu Th 10.700.000đồng (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007317 ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Bích Ng phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007444 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

6.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thắm

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Dũng

Nguyễn Thanh Tuấn

Đỗ Thị Thắm

